

Số: 899/HD-CHK

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2013

HƯỚNG DẪN

THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 61/2011/TT-BGTVT NGÀY 21/12/2011 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG, CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Ngày 21/12/2011 Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT) đã ban hành Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định về nhân viên hàng không, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không (sau đây gọi tắt là Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT). Để Thông tư được triển khai thực hiện một cách thống nhất, đầy đủ và hiệu quả, Cục Hàng không Việt Nam (Cục HKVN) hướng dẫn một số nội dung chính như sau:

A. KHÁI QUÁT THÔNG TƯ

Kết cấu của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT gồm 5 Chương và 34 Điều; Mục đích cụ thể hoá, hệ thống hoá và hướng dẫn chi tiết thực hiện các nội dung quy định tại Điều 68, 69, 70 quy định về "Nhân viên hàng không" của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006. Nội dung chính của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định chi tiết 3 vấn đề chính như sau:

- (1) Nhân viên hàng không
- (2) Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại Việt Nam
- (3) Cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

B. NỘI DUNG CHÍNH CỦA THÔNG TƯ SỐ 61/2011/TT-BGTVT

I. VỀ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

1. Về chức danh nhân viên hàng không (Điều 3)

Điều 68 Chương IV của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (HKDDVN) năm 2006 quy định: *Nhân viên hàng không* là những người hoạt động liên quan trực tiếp đến bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không, khai thác tàu bay, vận chuyển hàng không, hoạt động bay và có giấy phép, chứng chỉ chuyên môn phù hợp do Bộ GTVT cấp hoặc công nhận. Như vậy, tuy cùng làm việc trong một đơn vị của ngành Hàng không Việt Nam, nhưng chỉ có những người hội đủ các yếu tố trên mới được coi là **Nhân viên hàng không**, còn lại các nhân viên khác được gọi chung là nhân viên ngành hàng không.

Theo đó, Điều 3 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định 14 chức danh nhân viên hàng không, bao gồm:

1. Thành viên tổ lái.
2. Giáo viên huấn luyện bay.
3. Tiếp viên hàng không.
4. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay.
5. Nhân viên không lưu.
6. Nhân viên thông báo tin tức hàng không.
7. Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không.
8. Nhân viên khí tượng hàng không.
9. Nhân viên điều độ, khai thác bay.
10. Nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng.
11. Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không.
12. Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.
13. Nhân viên an ninh hàng không.
14. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyển bay.

Lưu ý: Các chức danh nêu trên phù hợp theo nhóm chuyên môn và mỗi nhóm chuyên môn lại bao gồm các vị trí, công việc cụ thể hơn và được quy định chi tiết tại các văn bản chuyên ngành khác có liên quan. Ví dụ:

a) Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 "Quy chế không lưu hàng không dân dụng" ban hành kèm theo Quyết định số 32/2007/QĐ-BGTVT ngày 05/7/2007 của Bộ trưởng Bộ GTVT thì nhân viên không lưu làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên thủ tục bay;
- Nhân viên thông báo, hiệp đồng bay;
- Kiểm soát viên mặt đất tại sân bay
- Kiểm soát viên không lưu tại sân bay;
- Kiểm soát viên không lưu tiếp cận ra đi, không ra đi;
- Kiểm soát viên không lưu đường dài ra đi, không ra đi;
- Kíp trưởng không lưu;
- Huấn luyện viên không lưu;
- Nhân viên đánh tín hiệu;

b) Theo quy định tại khoản 1 Điều 15 "Quy chế thông báo tin tức hàng không" ban hành kèm theo Quyết định số 21/2007/QĐ-BGTVT ngày 06/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thì *Nhân viên thông báo tin tức hàng không* làm việc ở các vị trí sau:

- Nhân viên thông báo tin tức hàng không tại cảng hàng không, sân bay (AIS Aerodrome unit officer);
- Nhân viên thông báo thông báo tin tức hàng không tại Phòng NOTAM quốc tế (NOF officer);
- Nhân viên biên soạn các tài liệu thông báo tin tức hàng không (AIS documentation/editing/text producing officer);
- Nhân viên đồ bản hàng không (aeronautical cartography officer);
- Nhân viên cơ sở dữ liệu thông báo tin tức và bản đồ hàng không (AIS/MAP data base officer).

2. Nhiệm vụ theo chức danh nhân viên hàng không (Điều 4)

Điều 4 Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT chỉ quy định các nhiệm vụ chính của nhân viên hàng không theo 14 chức danh nêu trên.

Đây là những nhiệm vụ mục tiêu mà nhân viên hàng không có trách nhiệm phải đạt tới và hoàn thành một cách tốt nhất để đảm bảo an toàn trong hoạt động giao thông hàng không. Để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ở vị trí chức danh công việc được giao nhân viên hàng không còn phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được quy định tại các văn bản Quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

Ví dụ: tại Điều 11 của "Quy chế không lưu hàng không dân dụng" ban hành kèm theo Quyết định số 32/2007/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ GTVT (gọi tắt là Quy chế không lưu) quy định nhiệm vụ cụ thể của 9 vị trí đối với nhân viên không lưu, như: nhân viên không lưu thực hiện nhiệm vụ ở vị trí "Thông báo bay", có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cơ sở Thông báo, hiệp đồng bay gồm:

- Nhận các phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp; lập kế hoạch hoạt động bay hàng ngày, theo mùa; thông báo kế hoạch hoạt động bay tới các đầu mối liên quan và hiệp đồng triển khai thực hiện phép bay;
- Theo dõi, giám sát diễn biến hoạt động bay;
- Hiệp đồng với các cơ sở điều hành bay dân dụng, các cơ quan, đơn vị quản lý vùng trời, quản lý bay thuộc Bộ Quốc phòng để đảm bảo an toàn cho hoạt động bay;
- Phối hợp xử lý theo thẩm quyền các trường hợp bất thường, thông báo và đưa ra các thông tin, khuyến cáo trong quá trình thông báo, hiệp đồng bay.

3. Tiêu chuẩn nhân viên hàng không (Điều 5)

Điều 5 Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT chỉ quy định tiêu chuẩn chung đối với nhân viên hàng không, các tiêu chuẩn cụ thể theo vị trí chức danh công việc được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không khác liên quan, như: Thành viên tổ lái, giáo viên bay, tiếp viên trên không được quy định tại Phần 7 (P.7), sức khỏe tại mục 8.007 (P.8) Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 Ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay (gọi tắt là Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT); Nhân viên không lưu được quy định tại Quy chế không lưu; Nhân viên thông báo tin tức hàng không được quy định tại Quy chế Thông báo tin tức hàng không...). Do vậy khi thực hiện cần tham chiếu các văn bản liên quan.

4. Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không (Điều 6)

Điều 6 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không (viết tắt là CCCM); gồm một trong các loại sau:

- a) Văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành HK của cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân;
- b) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại Việt Nam được Cục HKVN cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;
- c) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo là thành viên chính thức của Tổ chức đào tạo về hàng không dân dụng của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (TRAINAIR/ICAO); Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA); cơ sở sản xuất, chế tạo thiết bị, phương tiện phù hợp; cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không của nước ngoài đã được Cục HKVN công nhận theo quy định tại Điều 23 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT và quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không.

Lưu ý:

Tại điểm a: Văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân được coi là chứng chỉ chuyên môn; Tuy nhiên theo quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 19 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT về yêu cầu chung và yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không thì các cơ sở này cũng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, chương trình, giáo trình tài liệu, giáo viên theo quy định của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT thì văn bằng, chứng chỉ của các cơ sở này mới được coi là CCCM;

Ví dụ: văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành hàng không của Học viện Hàng không Việt Nam cấp được coi là chứng chỉ chuyên môn trong trường hợp Chương trình đào tạo đã được Cục HKVN phê duyệt và Học viện phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 19 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT trên cơ sở kết quả kiểm tra, đánh giá và chứng nhận của Cục Hàng không Việt Nam.

Đối với thành viên tổ lái (phi công), chứng chỉ chuyên môn là chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo phi công tại cơ sở đào tạo đã được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, đánh giá cấp giấy chứng nhận hoặc công nhận cơ sở đủ điều kiện đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện.

Tại điểm c: Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT có quy định “Chứng chỉ chuyên môn nhân viên hàng không quy định tại điểm c chỉ được công nhận tại Việt Nam với điều kiện người có chứng chỉ được đào tạo bổ sung các nội dung chưa được đào tạo theo chương trình đào tạo, huấn luyện cơ bản chuyên ngành hàng không quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT tại cơ sở đào tạo, huấn luyện được Cục HKVN cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không”. Nội dung này được hiểu như sau:

Ví dụ: Một nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không tại khu vực hạn chế của Cảng HK,SB, chưa có chứng chỉ chuyên môn, được đơn vị cử tham gia khoá học điều khiển, vận hành thiết bị hàng không tại cơ sở sản xuất, chế tạo của nước ngoài để điều khiển, vận hành loại thiết bị, phương tiện tương ứng của đơn vị mới nhập, sau khi hoàn thành khoá học và được cơ sở đó cấp chứng nhận tốt nghiệp thì nhân viên này vẫn phải đào tạo bổ sung các nội dung chưa được đào tạo theo chương trình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Thông tư này.

5. Giấy phép nhân viên hàng không (Điều 7)

Giấy phép nhân viên hàng không (trước đây gọi là giấy phép hành nghề) do Cục trưởng Cục HKVN quyết định cấp. Đây là nội dung đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình khai thác và cung cấp dịch vụ hàng không của nhân viên hàng không. Để Cục HKVN có cơ sở xem xét, cấp giấy phép và năng định cho nhân viên hàng không thì nhân viên đó phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 5 và tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT; trong đó, một số nhân viên phải tuân thủ thời gian huấn luyện tại vị trí làm việc theo các quy định tại các văn bản Quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan như: Nhân viên không lưu là 12 tháng; nhân viên thông báo tin tức hàng không và nhân viên khí tượng hàng không là 9 tháng; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát và nhân viên điều độ, khai thác bay là 03 tháng theo Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT, ngày 31/3/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bảo đảm hoạt động bay (gọi tắt là Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT).

Đối với Thành viên tổ lái, sau khi có chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo phi công tại cơ sở đào tạo, được Cục HKVN cấp giấy phép lái tàu bay (Commercial Pilot License - CPL hoặc Private Pilot License -PPL), để được kiểm tra và cấp năng định lái tàu bay, thành viên đó phải hoàn thành chương trình huấn luyện chuyển loại theo chủng loại tàu bay và hạng tàu bay. Nội dung chi tiết theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT; hoặc đối với Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp chứng chỉ chuyên môn, nhân viên này phải hoàn thành khóa huấn luyện chuyển loại theo kiểu, tàu bay và thực hành trên loại

tàu bay thời gian 2 tháng và có thời gian tích lũy kinh nghiệm thực tế tại cơ sở bảo dưỡng tàu bay 12 tháng.

Tuy nhiên, không phải là nhân viên hàng không nào cũng yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép, theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT thì trong 14 chức danh, chỉ có 11 chức danh khi thực hiện nhiệm vụ phải có giấy phép, còn lại 3 chức danh, gồm: *Tiếp viên hàng không; Nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không; Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay* chỉ cần có chứng chỉ chuyên môn mà không cần phải có giấy phép.

Ngoài ra, một số vị trí đặc biệt khác như thành viên tổ lái, kiểm soát viên không lưu phải có chứng nhận của Cục HKVN về trình độ tiếng Anh mức 4 (Level 4) theo quy định của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (gọi tắt là ICAO) và chứng nhận sức khỏe (bao gồm cả tiếp viên hàng không và nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát thực hiện nhiệm vụ bay hiệu chuẩn) theo quy định của pháp luật. Nhân viên thông báo tin tức hàng không phải có chứng nhận trình độ tiếng Anh mức 3 (Level 3) theo quy định tại Quy chế thông báo tin tức hàng không.

6. Cấp giấy phép nhân viên hàng không (Điều 8)

Việc cấp giấy phép nhân viên hàng không thuộc thẩm quyền của Cục HKVN (Nhà chức trách hàng không) thông qua 04 Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không theo nhóm chuyên môn được thành lập theo các Quyết định số: 4401; 4402; 4403; 4404/QĐ-CHK ngày 24/12/2008 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, gồm:

(1). Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không nhóm “Khai thác bay và kỹ thuật tàu bay” theo Quyết định số 4401/QĐ - CHK, do Trưởng phòng Tiêu chuẩn an toàn bay là chủ tịch Hội đồng, giúp Cục trưởng thực hiện việc kiểm tra để cấp giấy phép và năng định cho các chức danh: thành viên tổ lái; giáo viên huấn luyện bay; tiếp viên hàng không; nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay. Phòng Tiêu chuẩn an toàn bay là cơ quan thường trực của Hội đồng.

(2). Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không nhóm “Quản lý hoạt động bay” theo Quyết định số 4402/QĐ - CHK, do Trưởng phòng Quản lý hoạt động bay là chủ tịch Hội đồng, giúp Cục trưởng thực hiện việc kiểm tra để cấp giấy phép và năng định cho các chức danh: nhân viên không lưu; nhân viên thông báo tin tức hàng không; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; nhân viên khí tượng hàng không, nhân viên điều độ, khai thác bay; nhân viên đánh tín hiệu; nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng và nhân viên tìm kiếm, cứu nạn hàng không. Phòng Quản lý hoạt động bay là cơ quan thường trực của Hội đồng.

(3). Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không nhóm “Điều khiển, vận hành phương tiện, trang bị, thiết bị tại khu bay” (nay là nhóm điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay) theo Quyết định số 4403/QĐ - CHK, do Trưởng phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay là chủ tịch Hội đồng, giúp Cục trưởng thực hiện việc kiểm tra để cấp giấy phép và năng định cho chức danh: nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng HK,SB. Phòng Quản lý Cảng hàng không, sân bay là cơ quan thường trực của Hội đồng.

(4). Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không nhóm “An ninh hàng không” theo Quyết định số 4404/QĐ - CHK, do Trưởng phòng An ninh hàng không là chủ tịch Hội đồng, giúp Cục trưởng thực hiện việc kiểm tra để cấp giấy phép và năng định cho chức danh: nhân viên an ninh hàng không. Phòng An ninh hàng không là cơ quan thường trực của Hội đồng.

Quy trình cấp giấy phép do các Hội đồng thực hiện theo “Quy chế làm việc của Hội đồng kiểm tra cấp giấy phép nhân viên hàng không” ban hành kèm theo Quyết định số 4405/QĐ - CHK ngày 24/12/2008 của Cục trưởng Cục HKVN.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện người được cấp và thủ tục cấp, công nhận giấy phép nhân viên hàng không

Cục HKVN chỉ cấp giấy phép và năng định nhân viên hàng không đối với những trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn nêu tại Điều 5 và tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT và theo thủ tục nêu tại Điều 8 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT và các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan như: nhân viên hàng không nhóm quản lý hoạt động bay quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BGTVT ngày 21/3/2011.

8. Thời hạn và giá trị hiệu lực của giấy phép nhân viên hàng không (Điều 9)

Thời hạn hiệu lực của giấy phép: là giới hạn khoảng thời gian sử dụng nhất định được ghi trên giấy phép từ lúc cấp cho đến khi hết hạn sử dụng.

Các văn bản trước đây quy định hiệu lực của giấy phép tối đa không quá 5 năm; tại Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định thời hạn là 7 năm, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có quy định khác thì áp dụng theo quy định tại các văn bản đó. Như vậy thời hạn hiệu lực của giấy phép quy định chung là 7 năm, nhưng nếu các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác có quy định khác thì thực hiện theo văn bản đó. Ví dụ: theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT thì thời hạn hiệu lực của giấy phép đối với thành viên tổ lái được quy định là 5 năm.

Giá trị hiệu lực của giấy phép:

Khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định: “giấy phép chỉ có giá trị hiệu lực khi năng định còn hiệu lực”; như vậy, giấy phép chỉ có giá trị hiệu lực khi các điều kiện kèm theo giấy phép (năng định được ghi trên giấy phép có thời hạn 1, 2 hoặc 3 năm) và chứng nhận đủ điều kiện về sức khoẻ còn hiệu lực (thành viên tổ lái, kiểm soát viên không lưu).

Ví dụ: Ông T là kiểm soát viên không lưu, được Cục HKVN cấp Giấy phép nhân viên không lưu có thời hạn hiệu lực là 7 năm (theo Quy chế không lưu) kể từ 15/8/2011 đến 15/8/2018), năng định ghi trên giấy phép là 12 tháng kể từ ngày cấp giấy phép; giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khoẻ là 12 tháng kể từ ngày 10/3/2011. Như vậy giấy phép của ông T có giá trị hiệu lực đến 10/3/2012, kể từ ngày 11/3/2012 ông T phải được giám định lại sức khoẻ, nếu đủ điều kiện mới được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ; đến ngày 15/8/2012 ông T phải hoàn thành và đạt kết quả kỳ kiểm tra năng định của Cục HKVN theo quy định thì mới được tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

9. Năng định nhân viên hàng không (Điều 11)

Khái niệm: Năng định là chứng nhận về năng lực chuyên môn của nhân viên hàng không đáp ứng đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ theo chức danh ghi trong giấy phép NVHK. Danh mục năng định nhân viên hàng không được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Ngoài ra, theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT thì năng định đối với thành viên tổ lái được quy định chi tiết hơn theo chủng loại tàu bay (máy bay, Thiết bị bay tạo lực nâng bằng động cơ; cánh quay; tàu lượn; tàu bay nhẹ hơn không khí) và theo hạng tàu bay (Một động cơ; Thủy phi cơ-Một động cơ; Nhiều động cơ; Thủy phi cơ-Nhiều động cơ).

Thời hạn hiệu lực của năng định: Trước đây quy định thời hạn năng định có 3 mốc: 36, 24, 12 tháng đối với mỗi loại nhân viên khác nhau, tại Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định thời hạn hiệu lực của năng định là thời hạn hiệu lực của giấy phép, trừ các trường hợp được quy định cụ thể trong các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không. Điều này có nghĩa là thông thường thời hạn năng định tối đa là 7 năm nếu không có quy định nào khác.

Tuy nhiên, trên thực tế thì chỉ có *Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay* có thời hạn hiệu lực của năng định là thời hạn hiệu lực của giấy phép (7 năm); còn lại thời hạn năng định của hầu hết các nhân viên khác như: Nhân viên không lưu, khí tượng, thành viên tổ lái, nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay; nhân viên an ninh hàng không ... đều được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan.

Khi năng định ghi trên Giấy phép hoặc giấy chứng nhận sức khỏe đã hết hạn, người có giấy phép nếu muốn tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phải đề nghị kiểm tra để cấp (gia hạn) năng định hoặc giám định (lại) sức khỏe theo quy định. Các vị trí năng định được quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Lưu ý:

Một nhân viên hàng không có thể có nhiều năng định, ví dụ: nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện tại khu vực hạn chế tại cảng HK, SB có thể được Cục HKVN kiểm tra cấp năng định trên nhiều loại thiết bị, phương tiện khác nhau nếu đủ điều kiện theo quy định.

Các nhóm thiết bị, phương tiện do các cơ sở cung cấp dịch vụ phân chia thứ tự từ thấp đến cao (I, II, III) theo nguyên tắc thiết bị có độ điều khiển, vận hành càng phức tạp và mức độ tiếp cận càng gần tàu bay thì phân nhóm càng cao. Trong quá trình đào tạo và cấp chứng chỉ chuyên môn cho nhân viên hàng không của lĩnh vực này cũng thực hiện theo nhóm thiết bị.

Nhân viên hàng không có nhiều loại năng định ghi trên giấy phép phải thực hiện chế độ huấn luyện định kỳ và phục hồi (nếu có) đối với tất cả các năng định đã được cấp theo quy định.

II. VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

1. Mục đích

Nhằm chuẩn hoá cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, đáp ứng yêu cầu đào tạo, huấn luyện, phát triển đội ngũ nhân viên hàng không có đủ năng lực chuyên môn bao gồm cả kiến thức, kỹ năng và thái độ làm việc và duy trì đủ điều kiện để thực hiện tốt nhiệm vụ ở vị trí chức danh công việc chuyên môn đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả trong quá trình khai thác và cung cấp dịch vụ hàng không theo quy định của pháp luật, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của ICAO và thông lệ quốc tế.

2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

Theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT, cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được hiểu là cơ sở có hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về nhân viên hàng không liên quan tới 14 chức danh nhân viên hàng không được quy định tại Điều 3 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (gọi tắt là cơ sở) có thể là một

Trường, Học viện, Trung tâm hoặc một tổ chức, một doanh nghiệp. Cơ sở có thể là một pháp nhân hoặc tổ chức thuộc pháp nhân, ví dụ:

- a) Học viện hàng không Việt làm là cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân, là một pháp nhân.
- b) Trung tâm đào tạo - huấn luyện Tân Sơn Nhất trực thuộc Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Tổng Công ty Cảng HKVN (Trung tâm đào tạo Tân Sơn Nhất) là một cơ sở đào tạo thuộc pháp nhân là Tổng Công ty Cảng HKVN.
- c) Trung tâm đào tạo VAECO là một cơ sở đào tạo thuộc pháp nhân là Công ty TNHH kỹ thuật máy bay (VAECO).

3. Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên HK

Ngoài các quy định chung theo quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở đào tạo, huấn luyện; nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đáp ứng yêu cầu khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không, yêu cầu đối với cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 15, 16, 17, 18, 19 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Lưu ý:

a) Về tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý và hệ thống văn bản quản lý (Điều 15)

- Cơ sở phải chứng minh được cơ cấu tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ, nhân viên có đủ năng lực và điều kiện để tổ chức, quản lý, điều hành và thực hiện hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

- Phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý hoạt động đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, trong đó cần xây dựng quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở đào tạo (tham khảo mẫu tại **Phụ lục số 1** kèm theo Hướng dẫn này); các quy định về giáo viên, học viên, quy trình đào tạo, huấn luyện, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp theo quy định (trừ trường hợp đã được quy định trong Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở).

b) Về trang bị, thiết bị (Điều 16): Cơ sở phải phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Điều 16 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT; phải báo cáo cụ thể danh mục về số lượng, chủng loại và tình trạng kỹ thuật, công nghệ đáp ứng chương trình và yêu cầu đào tạo, huấn luyện đối với từng chức danh nhân viên hàng không; nếu là thiết bị thuê phải có hợp đồng hoặc văn bản thoả thuận. Đối với các thiết bị mô phỏng, thiết bị giả định phải được Cục HKVN cấp phép khai thác.

c) Về giáo viên (Điều 17):

- Giáo viên chuyên ngành hàng không: Là giáo viên tham gia giảng dạy các môn học liên quan đến hàng không dân dụng, bao gồm cả giáo viên dạy phần kiến thức chung về hàng không và chuyên môn.

- Các loại giáo viên quy định tại Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT gồm: giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm và giáo viên thỉnh giảng. Cơ sở phải đảm bảo mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Về nguyên tắc thì 01 giáo viên có thể dạy được nhiều môn, 01 môn có thể bố trí nhiều giáo viên giảng dạy.

- Giáo viên chuyên ngành hàng không, ngoài việc phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo và dạy nghề phải có chứng chỉ chuyên môn liên quan hoặc có kinh nghiệm 5 năm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy (7 năm đối với giáo viên lĩnh vực quản lý hoạt động bay) và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không có liên quan.

Giáo viên do cơ sở xây dựng, phê duyệt và bố trí giảng dạy theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT. Tuy nhiên, theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan như: Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT; Thông tư 30/2012/TT-BGTVT, Quy chế Không lưu thì giáo viên một số lĩnh vực chuyên ngành như: An ninh hàng không, quản lý hoạt động bay, giáo viên huấn luyện bay, kỹ thuật tàu bay, hàng nguy hiểm, an toàn hàng không phải được Cục HKVN phê duyệt hoặc cấp giấy phép (giáo viên huấn luyện bay).

d) Về chương trình đào tạo, huấn luyện (Điều 18):

Theo Điều 18 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT thì có 5 loại chương trình đào tạo, huấn luyện được áp dụng cho 14 chức danh nhân viên hàng không quy định tại Điều 3 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT, theo đó:

(1) Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ để cấp chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nhân viên hàng không: Là chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu (Initial Training) do các cơ sở được Cục HKVN cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không thực hiện đào tạo, huấn luyện và cấp CCCM cho nhân viên hàng không. CCCM là điều kiện bắt buộc để được kiểm tra năng định và cấp giấy phép.

(2) Chương trình huấn luyện phục hồi, chuyển loại, định kỳ cho nhân viên hàng không:

+ Huấn luyện phục hồi (Refresh): Phục hồi khả năng làm việc cho những nhân viên hàng không có thời gian nghỉ giãn cách (ngưng làm việc ở vị trí chuyên môn) quá thời gian quy định, ví dụ: thời gian nghỉ giãn cách 180 ngày đối với nhân viên điều khiển vận hành trang thiết bị hàng không, 90 ngày đối với thành viên tổ lái và KSV không lưu ...).

+ Huấn luyện chuyển loại: Là người đã có chứng chỉ chuyên môn và năng định loại, năng định vị trí chuyên môn, nay chuyển sang học loại khác hoặc vị trí chuyên môn khác trong cùng một nhóm chức danh nhân viên hàng không, ví dụ: đối với thành viên tổ lái có năng định loại tàu bay A321, nay chuyển sang học năng định loại B777; hoặc đối với nhân viên điều khiển, vận hành trang thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay có năng định điều khiển, vận hành các loại thiết bị hàng không nhóm I, nay chuyển sang học các loại thiết bị hàng không nhóm II, III .

+ Huấn luyện định kỳ (Recurrent): Định kỳ nhắc lại các kiến thức đã được học về chuyên môn, pháp luật, an ninh, an toàn và luyện tập thực hành giúp cho người học củng cố, duy trì khả năng làm việc ở vị trí năng định chuyên môn. Ví dụ: Thành viên tổ lái 6 tháng/lần; Tiếp viên hàng không 12 tháng/lần; nhân viên điều khiển, vận hành trang thiết bị hàng không 24 tháng/lần, nhân viên ANHK 12 tháng/lần ...;

(3) Chương trình huấn luyện năng định nhân viên hàng không: Thông thường những trường hợp đã có CCCM là đủ điều kiện để được kiểm tra năng định và cấp giấy phép nhân viên hàng không, trong trường hợp này thì chương trình đào tạo cấp CCCM bao gồm cả nội dung huấn luyện năng định như: tiếp viên hàng không; nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay; nhân viên vận hành thiết bị hàng không; nhân viên an ninh hàng không ...;

Tuy nhiên, một số loại nhân viên hàng không có CCCM nhưng vẫn phải qua thời gian và chương trình huấn luyện năng định loại hoặc năng định theo vị trí chuyên môn như: Thành viên tổ lái sau khi có Bằng lái tàu bay thương mại (CPL) phải huấn luyện năng định loại tàu bay (trên loại tàu bay Boeing 777-200, 777-200E hoặc A-320; A-321 ...) để được kiểm tra cấp năng định và giấy phép lái tàu bay theo loại tàu bay; hoặc nhân viên không lưu: sau khi có bằng, chứng chỉ đào tạo cơ bản nghề chuyên ngành “Kiểm soát không lưu” (Air Traffic Control), để có thể tham dự kiểm tra cấp năng định và giấy phép kiểm soát viên không lưu (Air Traffic Controller) và được làm việc tại vị trí chuyên môn thì nhân viên đó phải qua các khóa huấn luyện năng định theo vị trí chuyên môn dự kiến cấp giấy phép nhân viên hàng không như: kiểm soát tại sân bay; kiểm soát tiếp cận; kiểm soát đường dài (Radar hoặc Non Radar) ... và các huấn luyện khác trong thời gian 12 tháng, chương trình này được hiểu là chương trình huấn luyện tại chỗ (On-Job-Training) cho nhân viên mới tại cơ sở cung cấp dịch vụ.

(4) Chương trình huấn luyện làm quen (dành cho kiểm soát viên không lưu).

(5) Chương trình bổ túc, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn chuyên ngành hàng không: là chương trình bồi dưỡng, cập nhật, bổ sung những nội dung mới về pháp luật, an ninh, an toàn và chuyên môn về hàng không giúp cho người học không ngừng cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng thao tác, vận hành trang thiết bị, xử lý tình huống ... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ sở khai thác và cung cấp dịch vụ hàng không.

Chương trình (1) và chương trình (2) do Cục HKVN phê duyệt, các chương trình khác do cơ sở phê duyệt. Chương trình đào tạo, huấn luyện là cơ sở để xây dựng, phát triển, bố trí đội ngũ giáo viên và biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy phù hợp.

đ) Về giáo trình và tài liệu (Điều 19):

Những vấn đề cần lưu ý:

- Giáo trình, tài liệu giảng dạy (gọi chung là giáo trình) gồm cả giáo trình do cơ sở xây dựng và có thể sử dụng giáo trình của cơ sở đào tạo khác (cả trong nước và nước ngoài), nội dung phải phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện.

- Giáo trình chuyên ngành hàng không do thủ trưởng cơ sở phê duyệt trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng nghiệm thu giáo trình của cơ sở. Hội đồng nghiệm thu giáo trình của cơ sở do người đứng đầu cơ sở thành lập phù hợp với mỗi lĩnh vực chuyên ngành hàng không tương ứng gồm các thành phần theo quy định của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT. Riêng đối với Hội đồng nghiệm thu giáo trình an ninh hàng không của cơ sở do Cục Hàng không Việt Nam phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 30/2012/TT-BGTVT).

- Để đảm bảo cho công tác quản lý chặt chẽ, thống nhất, cơ sở cần ban hành quy chế làm việc của Hội đồng.

- Trong trường hợp đơn vị chưa được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, nếu được Cục cho phép tổ chức khoá đào tạo thì chương trình, giáo trình, danh sách giáo viên do Cục HKVN phê duyệt kèm theo quyết định cho phép tổ chức khoá đào tạo.

e) Các yêu cầu khác: Ngoài các yêu cầu trên, cơ sở phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, pháp luật về giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

Các yêu cầu đối với cơ sở đào tạo nêu tại khoản 3 Mục II của Hướng dẫn này bao gồm đối với cả các cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

5. Cấp Giấy chứng nhận, thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Điều 20):

a) Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

b) Giấy chứng nhận có hiệu lực kể từ ngày ký; hiệu lực của giấy chứng nhận là vô thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp: theo đề nghị của cơ sở được cấp giấy chứng nhận hoặc bị thu hồi.

c) Cơ sở đào tạo có trách nhiệm duy trì điều kiện ghi trên giấy chứng nhận, trong trường hợp cơ sở đào tạo đề nghị cấp giấy chứng nhận kèm theo các điều kiện bị giới hạn như: Hợp đồng thuê thiết bị, phòng học, cơ sở vật chất ... có thời hạn, khi hợp đồng hết hiệu lực, cơ sở phải gia hạn hoặc ký hợp đồng mới.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Điều 21)

Điều 21 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT quy định cụ thể thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không, trong đó lưu ý mấy vấn đề về Hồ sơ như sau:

a) Về chương trình đào tạo: Phải có chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không đã được Cục HKVN phê duyệt hoặc công nhận; như vậy cơ sở có thể đề nghị Cục xem xét phê duyệt hoặc công nhận chương trình đào tạo trước khi đề nghị cấp giấy chứng nhận hoặc đề nghị đồng thời với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận.

b) Về giáo viên:

- Danh sách giáo viên do cơ sở quyết định trên cơ sở đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 17 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Riêng danh sách giáo viên các chuyên ngành: An ninh hàng không, quản lý hoạt động bay, giáo viên huấn luyện bay, kỹ thuật tàu bay, hàng nguy hiểm, an toàn hàng không do Cục HKVN phê duyệt theo quy định của các văn bản Quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không khác liên quan như: Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT; Thông tư 30/2012/TT-BGTVT và Thông tư số 22 /2011/TT-BGTVT).

Danh sách giáo viên bao gồm: Danh sách trích ngang lý lịch giáo viên kèm theo văn bằng, chứng chỉ phù hợp (theo mẫu số 1) và danh sách giáo viên theo môn học (theo mẫu số 2) tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

c) Các báo cáo:

- Báo cáo thuyết minh bằng văn bản về cơ sở vật chất, bao gồm: phòng học, trang thiết bị, cơ sở hoặc nơi thực hành phù hợp với nội dung đào tạo kèm theo biểu báo cáo theo mẫu số 3 tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này. Trường hợp cơ sở vật chất thuê của cơ sở khác thì cơ sở phải có văn bản thỏa thuận trong đó ghi rõ mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng; trường hợp sử dụng thiết bị thật đang khai thác để dạy thực hành cho học viên, cơ sở phải có văn bản quy định nguyên tắc, quy trình sử dụng đảm bảo an ninh, an toàn khi sử dụng.

- Báo cáo thuyết minh bằng văn bản về giáo trình, tài liệu giảng dạy lý thuyết, thực hành liên quan đến từng môn học kèm theo biểu báo cáo theo mẫu số 4 tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

- Báo cáo thuyết minh bằng văn bản về hệ thống tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ quản lý; hệ thống văn bản quản lý đào tạo và thư viện kèm theo biểu báo cáo theo mẫu số 5 tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

- Báo cáo mẫu chứng chỉ chuyên môn: Mẫu CCCM của cơ sở do cơ sở thiết kế theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Lưu ý: Trường hợp thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không thì áp dụng quy định tại văn bản đó.

7. Về cấp lại, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Điều 22):

Cục HKVN chỉ cấp lại giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, rách, hỏng hoặc nội dung của giấy chứng nhận cần sửa đổi, bổ sung. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận hoặc giấy chứng nhận được cấp có thời hạn (như giải thích ở điểm c, khoản 5 mục II của

Hướng dẫn này), khi hết hạn nếu cơ sở đề nghị cấp lại thì quy trình, thủ tục và lệ phí thực hiện như cấp lần đầu.

8. Về công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài (Điều 23): Cục HKVN quyết định công nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18 và 19 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về chuyên ngành hàng không có liên quan. Thủ tục như thủ tục cấp giấy chứng nhận.

9. Về thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (Điều 24): Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không sẽ bị thu hồi nếu vi phạm quy định tại Điều 24 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

10. Những vấn đề cần lưu ý: Các đơn vị có cơ sở đào tạo được Cục HKVN cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải là cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo hệ thống giáo dục quốc dân được quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT chỉ được đào tạo, huấn luyện và cấp chứng chỉ chuyên môn cho nhân viên hàng không của đơn vị mình, không được tuyển sinh, đào tạo như một cơ sở dạy nghề. Trong trường hợp đơn vị khác (các doanh nghiệp và cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không) có nhu cầu đào tạo, nếu cơ sở đào tạo đáp ứng được thì khi thực hiện phải thông qua hợp đồng đào tạo giữa cơ sở đào tạo với đơn vị đề nghị đào tạo, người tham gia khóa học phải là nhân viên thuộc đơn vị đề nghị đang quản lý, sử dụng.

III. VỀ CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

1. Bối cảnh ra đời quy định về cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không:

Nhằm triển khai yêu cầu của ICAO về thực hiện các yêu cầu về trình độ thông thạo tiếng Anh của đối tượng là thành viên tổ lái; nhân viên không lưu; nhân viên khai thác thiết bị thông tin sóng cao tần không - địa (HF A/G) có sử dụng liên lạc vô tuyến khi thực hiện nhiệm vụ; trên cơ sở này Cục trưởng Cục HKVN ban hành văn bản số 3104/CHK-VP ngày 14/12/2007 về “Hướng dẫn triển khai thực hiện yêu cầu của ICAO về trình độ thông thạo tiếng Anh đối với nhân viên hàng không”, nội dung của văn bản này chính thức được đưa vào Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

2. Nội dung cơ bản:

2.1 Yêu cầu về trình độ tiếng Anh đối với nhân viên HK (Điều 26):

Các nhân viên hàng không sử dụng thiết bị liên lạc và liên lạc vô tuyến khi thực hiện nhiệm vụ phải đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu mức 4 theo thang đánh giá của ICAO, bao gồm: Thành viên tổ lái; Nhân viên không lưu thực hiện nhiệm vụ tại một số vị trí; Nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không thực hiện nhiệm vụ khai thác thiết bị thông tin sóng ngắn không - địa (HF A/G). Đối với Nhân viên hàng không khác thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành hàng không khác liên quan.

2.2 Cơ sở đánh giá: Cục HKVN cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không cho cơ sở đánh giá đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 26 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT. Cơ sở đánh giá thực hiện việc kiểm tra, đánh giá thông qua Hội đồng đánh giá trình độ tiếng Anh của cơ sở do người đứng đầu cơ sở thành lập gồm các thành phần theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Thông tư 01/2011. Kết quả đánh giá được Cục HKVN xem xét và làm cơ sở để chứng nhận trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không. Chứng nhận trình độ tiếng Anh là điều kiện để cấp giấy phép nhân viên hàng không.

2.3 Cơ chế quản lý

Mặc dù Cục HKVN cấp giấy chứng nhận cho cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không, nhưng về bản chất thì việc đánh giá, chứng nhận, công nhận trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không thuộc thẩm quyền của nhà chức trách hàng không, do vậy toàn bộ nội dung, quy trình, chương trình, cách thức và chất lượng đánh giá được Cục HKVN quản lý, kiểm soát chặt chẽ thông qua cơ chế quản lý trực tuyến đối với cơ sở đánh giá theo quy định của ICAO.

Việc đánh giá trình độ thông thạo tiếng Anh đối với nhân viên hàng không của các cơ sở đánh giá phải tuân thủ các quy định của Tài liệu hướng dẫn thực hiện các yêu cầu thông thạo ngôn ngữ của ICAO (Doc 9835-Manual on the Implementation of ICAO Language Proficiency Requirements) và các tài liệu khác có liên quan được khái quát hoá tại Điều 26 của Thông tư, gồm: Chương trình đánh giá; giáo viên đánh giá; hệ thống thiết bị kiểm tra, đánh giá; Điểm xếp loại trình độ tiếng Anh;

Việc đánh giá phải thông qua Hội đồng đánh giá theo quy định tại khoản 5 Điều 25 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT và cơ sở phải ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng đánh giá để quản lý.

Điểm xếp loại trình độ tiếng Anh là điểm thấp nhất trong số điểm trung bình cộng của từng tiêu chí đã được chấm (kết quả đánh giá được ghi trên Phiếu kiểm tra, đánh giá) và được gửi 01 bản về Cục HKVN để ghi vào giấy phép nhân viên HK.

2.4 Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không

Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận và công nhận cơ sở đánh giá được quy định tại Điều 28, 29, 30 và 31 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT, trong đó cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Chương trình đánh giá trình độ tiếng Anh: được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT trên cơ sở tham chiếu Doc 9835 của ICAO và sự kiểm soát của Cục HKVN.

- Danh sách giáo viên đánh giá: có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT kèm theo bản sao các văn bằng, chứng chỉ phù hợp theo mẫu số 6 tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

Các báo cáo về cơ sở vật chất; hệ thống tổ chức, bộ máy và văn bản quản lý của cơ sở đánh giá thực hiện như đối với cơ sở đào tạo nêu tại khoản 6 mục II của Hướng dẫn này.

2.5 Công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không (Điều 30)

Cục HKVN quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT. Thủ tục công nhận được thực hiện như thủ tục cấp giấy chứng nhận quy định tại Điều 28 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

Lưu ý: Ngoài quy định tại Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT, việc cấp, công nhận cơ sở đủ điều kiện đánh giá trình độ tiếng Anh phải tuân thủ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác về hàng không có liên quan.

IV. QUY TRÌNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐÀO TẠO, CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

1. Đối với cơ sở đào tạo

Khi cơ sở có nhu cầu cấp giấy chứng nhận, nếu xét thấy có đủ các điều kiện theo quy định thì gửi đơn và hồ sơ đề nghị về Cục HKVN (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Địa chỉ: Cục Hàng không Việt Nam, số 119 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội; nếu gửi trực tiếp thì phải qua bộ phận văn thư, Văn phòng Cục HKVN để xử lý văn bản đến theo quy định.

Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cục HKVN sẽ xem xét thẩm định và kiểm tra thực tế cơ sở; Hồ sơ đầy đủ được hiểu là kể từ thời điểm Cục HKVN tiếp nhận đầy đủ các nội dung hồ sơ gồm: Danh mục hồ sơ, các báo cáo theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT (không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của cơ sở theo yêu cầu của người tiếp nhận hồ sơ).

2. Đối với Cục HKVN

Hồ sơ được gửi qua bộ phận Văn thư, Tổng hợp của Văn phòng Cục HKVN để lập phiếu trình trình Cục trưởng phê duyệt, sau khi được Cục trưởng phê duyệt, hồ sơ được chuyển đến các phòng chuyên môn chủ trì thực hiện việc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (gọi tắt là cơ quan chủ trì) như sau:

2.1 Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đào tạo

2.1.1 Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay chủ trì thực hiện việc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế đối với cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện đối với các chức danh: thành viên tổ lái; giáo viên huấn luyện bay; tiếp viên hàng không, nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị tàu bay, nhân viên xử lý và vận chuyển hàng nguy hiểm. Căn cứ pháp lý thực hiện theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay; trường hợp những nội dung theo quy định tại Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT không được quy định tại các văn bản nêu trên thì thực hiện theo Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

2.1.2 Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì thực hiện việc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế đối với cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện đối với các chức danh khác không thuộc các chức danh nêu tại mục 2.1.1 nêu trên. Các phòng chuyên môn có trách nhiệm thẩm định các thành phần của hồ sơ đề nghị bao gồm: chương trình, giáo trình, giáo viên, cơ sở vật chất theo đề nghị của Phòng Tổ chức cán bộ như sau:

a) Phòng Quản lý hoạt động bay chủ trì thực hiện đối với các chức danh: Nhân viên không lưu; nhân viên thông báo tin tức hàng không; nhân viên thông tin, dẫn đường, giám sát hàng không; nhân viên khí tượng hàng không; nhân viên điều độ, khai thác bay; nhân viên thiết kế phương thức bay hàng không dân dụng; nhân viên tìm kiếm cứu nạn hàng không.

b) Phòng Quản lý cảng hàng không, sân bay chủ trì thực hiện đối với các chức danh: Nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay; nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay.

c) Phòng An ninh hàng không chủ trì thực hiện đối với chức danh: Nhân viên an ninh hàng không.

d) Trường hợp đơn vị chưa được Cục HKVN cấp giấy chứng nhận nhưng có nhu cầu và có đủ điều kiện để tổ chức khoá đào tạo và cấp chứng chỉ chuyên môn cho nhân viên hàng không của mình thì hồ sơ đề nghị tổ chức khoá đào tạo cũng được xử lý như hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận theo quy trình này.

2.2 Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh

a) Phòng Tiêu chuẩn An toàn bay chủ trì thực hiện đối với cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh viên hàng không là Thành viên tổ lái theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

b) Phòng Quản lý hoạt động bay chủ trì thực hiện đối với cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không thuộc nhóm Quản lý hoạt động bay theo quy định tại Điều 25 của Thông tư số 61/2011/TT-BGTVT.

2.3 Kết quả thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, huấn luyện và cơ sở đánh giá trình độ tiếng Anh phải thể hiện bằng biên bản theo mẫu số 7 (thẩm định hồ sơ) và mẫu số 8 (kiểm tra thực tế) tại **Phụ lục số 2** kèm theo Hướng dẫn này.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Hướng dẫn này, trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc yêu cầu báo cáo Cục Hàng không Việt Nam để xem xét bổ sung, sửa đổi kịp thời.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ TCCB Bộ GTVT;
- Các Phó Cục trưởng;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Cục;
- Tổng Công ty Cảng HKVN;
- Tổng công ty QLBNV;
- Tổng Công ty HKVN;
- Công ty bay DVHK (VASCO);
- Học viện HKVN;
- Các cơ sở ĐT đã được Cục cấp GCN;
- TCT Trục thẳng Việt Nam;
- Các CTCPHK: Jetstar Pacific, Mê Kông, Vietjet, Bầu trời xanh, Ngôi sao Việt;
- Trang TTĐT (Website) Cục HKVN;
- Lưu VT, TCCB (Phuong.50b).

Lại Xuân Thanh

FILE ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Phụ lục 1



Phụ lục 2



Phụ lục 3